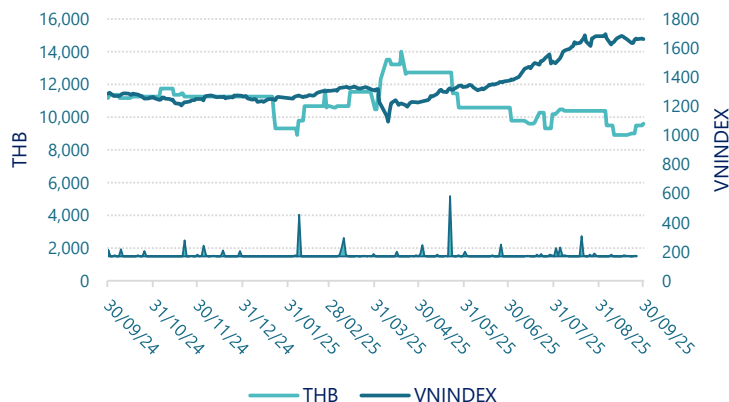




CTCP Bia Hà Nội - Thanh Hóa (HNX: THB)

Lịch sử giá



Thông tin giao dịch

30/09/2025

Giá hiện tại (VNĐ)	9,600
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	14,005
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	8,912
SL cổ phiếu LH	11,424,570
KLGD BQ 20 phiên (CP)	180
% sở hữu nước ngoài	6.2%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	110
P/E	20.2
EPS	474

DT thuần

Q3/25

463

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 12.0 | 2.6%

YoY: ▲ 9.00 | 1.9%

LN sau thuế

Q3/25

7.37

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 4.75 | 181%

YoY: ▲ 2.08 | 39.2%

Tỷ suất lãi EBIT

Q3/25

1.8%

+/- YoY: ▲ 0.4%

DT thuần

9T 2025

1,234

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 62.0 | 5.3%

LN sau thuế

9T 2025

2.97

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 1.61 | 118%

ROE

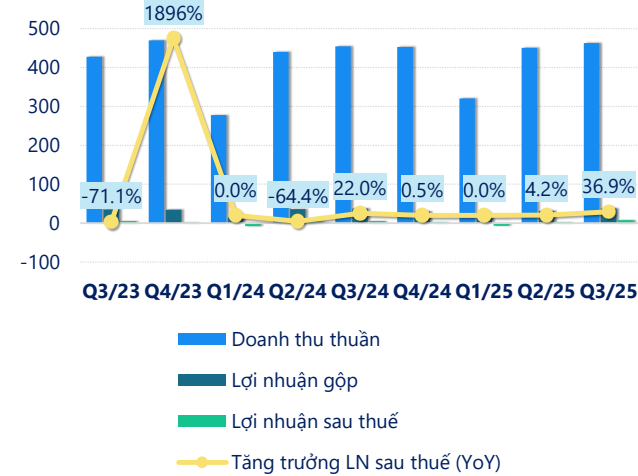
Q3/25

3.6%

+/- YoY: ▲ 1.5%

tỷ VNĐ

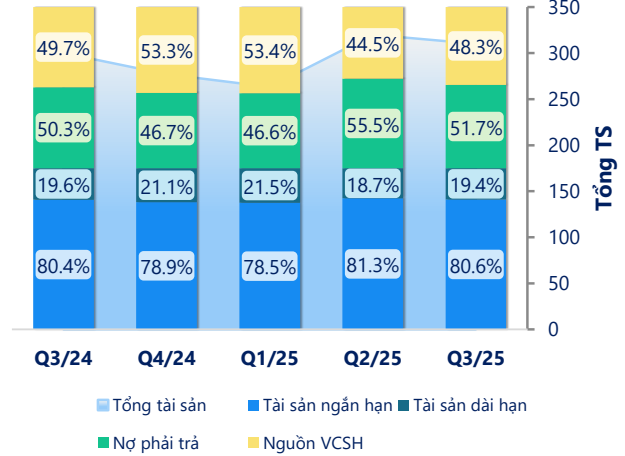
Kết quả kinh doanh



(Nguồn: fireant.vn)

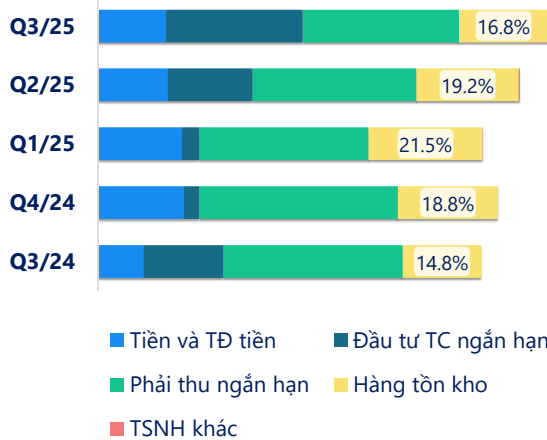
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



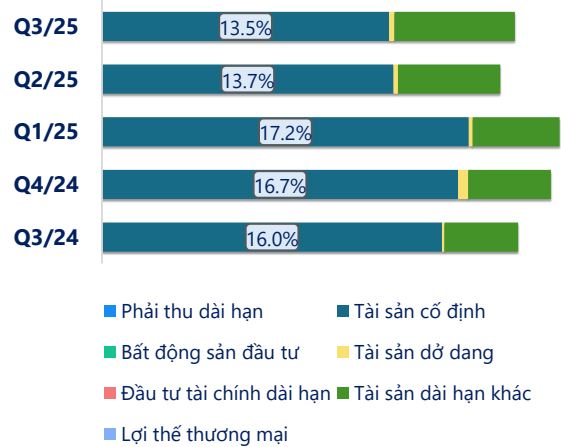
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

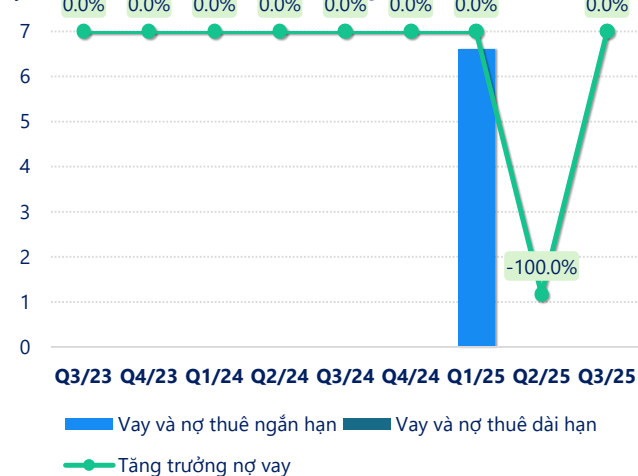
Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

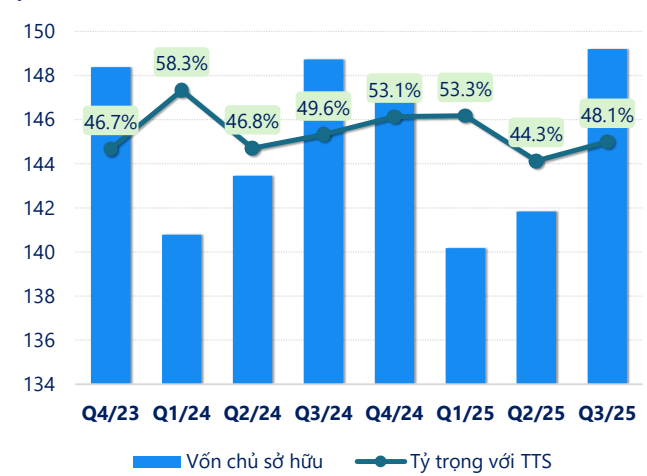
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

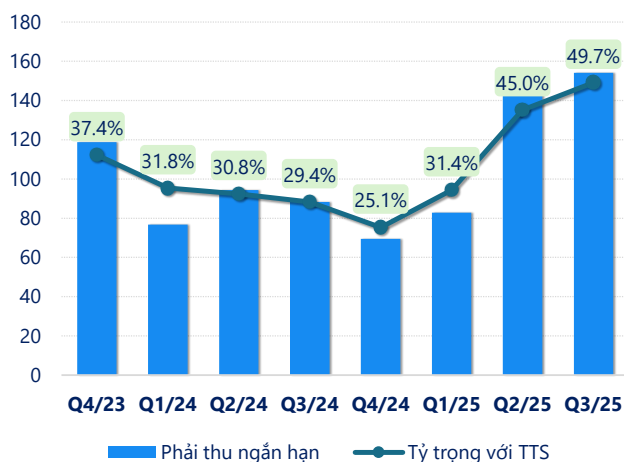
tỷ VNĐ

Vốn chủ sở hữu



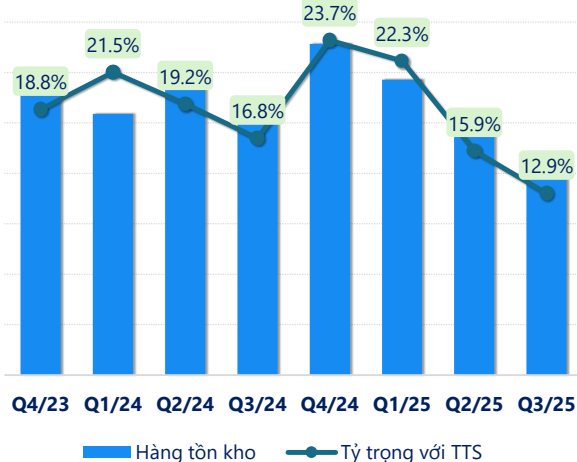
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Phải thu ngắn hạn


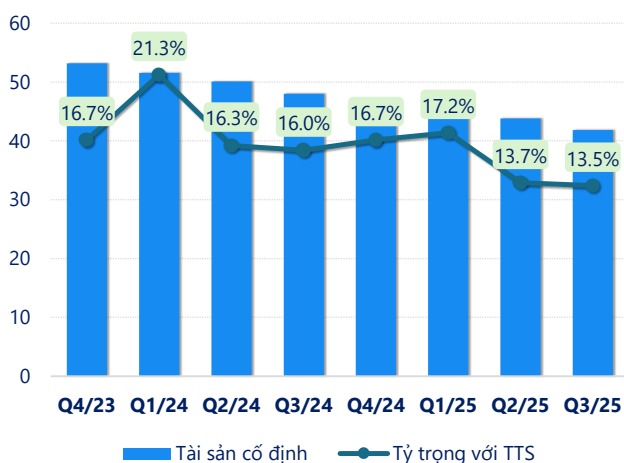
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Hàng tồn kho


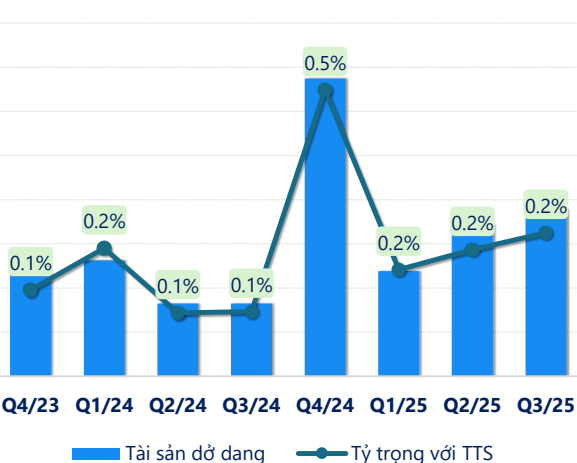
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

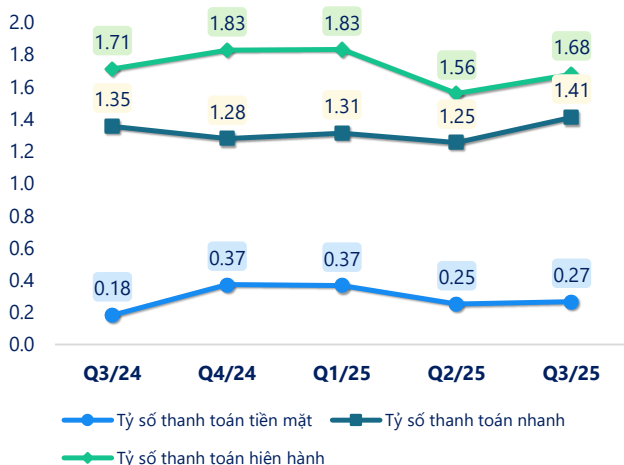
Tài sản cố định


(Nguồn: fireant.vn)

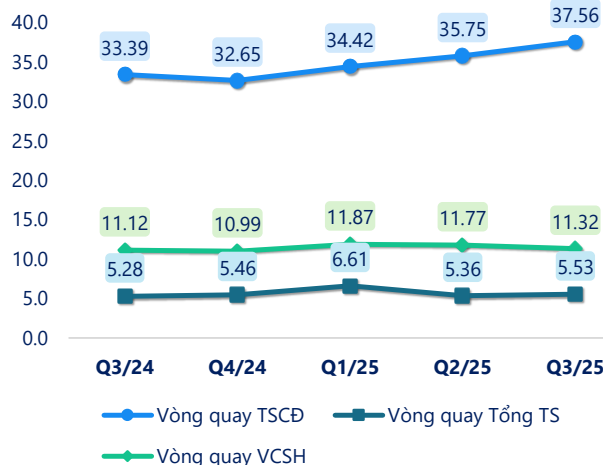
tỷ VNĐ

Tài sản dở dang


(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản


(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản


(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Tổng tài sản	300	277	263	320	310
Tài sản ngắn hạn	241	219	207	260	250
Tiền và tương đương tiền	25.7	44.5	41.3	41.8	39.6
Đầu tư tài chính ngắn hạn	77.1	38.1	23.1	23.2	16.2
Phải thu ngắn hạn	88.3	69.5	82.7	144	154
Hàng tồn kho	50.3	65.7	58.6	50.8	39.9
Tài sản ngắn hạn khác	0.02	0.72	0.85	0.01	0.04
Tài sản dài hạn	58.7	58.5	56.6	59.9	60.2
Phải thu dài hạn	0.01	0.01	0.01	0.01	0.01
Tài sản cố định	48.0	46.4	45.4	43.8	41.8
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	0.33	1.35	0.48	0.69	0.76
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản dài hạn khác	10.4	10.8	10.8	15.4	17.6
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	151	129	123	178	160
Nợ ngắn hạn	141	120	113	167	149
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	0	6.60	0	0
Phải trả người bán ngắn hạn	33.8	11.5	37.2	43.1	38.4
Nợ dài hạn	9.90	9.86	9.86	10.9	11.6
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	0	0	0
Nguồn vốn chủ sở hữu	149	148	141	142	150
Vốn chủ sở hữu	149	147	140	142	149
Vốn điều lệ	114	114	114	114	114
Kinh phí và quỹ khác	0.39	0.39	0.39	0.39	0.39

(Nguồn: fireant.vn)